LDVN "VIETSOVPETRO"
СП "ВЬЕТСОВПЕТРО"
TTĐĐSX / ЦПДС

"PHÊ DUYỆT / УТВЕРЖДАЮ"
Trưởng ban / Начальник ЦПДС

_____Châu Ngọc Hổ

DANH MỤC HÀNG HÓA GỬI RA CÔNG TRÌNH BIỂN
СПИСОК ГРУЗОВ ДЛЯ ОТПРАВКИ НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ (№ 144/2019)

Tàu dịch vụ / ТБС: VUNGTAU-05

Bắt đầu xếp hàng / Начало погрузки: 14:00 05/04/2019

Thời gian tàu rời bến / Отход в море: 21:00 05/04/2019(REV.2)

П/П	Tên công trình biển Наименов. Объектов	Hàng hóa được gửi Отправленный груз		SL đặt hàng Кол-во заявленн.		Cho dự án Lô Для Блока	Đơn vị gửi Заказчик
		№	Tên vật tư, hàng hóa Наименование груза	Kiện Место	Tấn тонн		
1	ThTC-3	1	xl-04 - vsp6-269 , 075 , 204, 062 (1.83x1.83)m	4 конт	18.0 т	09-1	ПСОРОНГД
2	МСП-7	1	Решетка ПВО (3.00x3.00)m	1 шт	1.0 т	09-1	ПБИКРС
		2	Решетка радиатор (3.00x3.00)m	1 шт	1.5 т	-/-	-/-
		3	Контейнер DV8 пустой с ПОСОМ (2.40x1.80)m	4 конт	4.0 т	-/-	-/-
		4	Зип (1.80x1.80)m	1 конт	2.5 т	-/-	-/-
3	МКС	1	K/A 40/20 (1.20x1.00)m	6 кас	6.0 т	09-1	ПГО
		2	Container đựng sắt phế thải (3.00x2.40)m	2 шт	2.0 т	-/-	-/-
		3	Container đựng rác thải sinh hoạt/độc hại (1/1) (1.20x1.00)m	2 шт	2.0 т	-/-	-/-
		4	xl-06 - A-04 thùng hàng (1.80x1.80)m	1 конт	3.0 т	-/-	ПСОРОНГД
4	ЦТП-2	1	***ЗИП 20ft KT- 93 (6.00x2.50)m***	1 конт	6.0 т	09-1	ПДНГ
5	ЦКП	1	Container 6ft số ПГО-10 (2.40x2.00)m	1 шт	2.5 т	09-1	ПГО
		2	Container 8ft số ПГО-11 (2.50x2.00)m	1 шт	3.0 т	-/-	-/-
		3	Hóa chất chống ăn mòn CRo24999 (25 phuy) (3.00x2.40)m	3 шт	6.0 т	-/-	-/-
		4	bó lưới (6.00x1.00)m	1 шт	0.5 т	-/-	-/-
		5	Container 10ft số CCP-10 (3.00x2.40)m	1 шт	3.0 т	-/-	-/-
6	БК-17	1	Trạm đo (3.35x2.18)m	1 конт	3.5 т	09-1	КПГ
		2	Trạm tời (3.30x1.35)m	1 конт	5.0 т	-/-	-/-
		3	Tang cáp (1.50x1.40)m	1 конт	3.5 т	-/-	-/-
		4	Container TB (3.60x1.40)m	1 конт	3.0 т	-/-	-/-
7	БК-16	1	ЗИП 8ft KT-132 (2.4x2.4)m -***Hàng gấp theo yêu cầu P.NL-TĐH XNKT***	1 конт	2.0 т	09-1	ПДНГ
			Tổng cộng - Всего:	**35**	**77 т**		

Chuyên viên TTĐĐSX / Гл.специалист ЦПДС: _____